

Hai vấn đề của quản trị Đại học ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập

Trịnh Ngọc Thạch*

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN,
336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 06 tháng 01 năm 2017

Chỉnh sửa ngày 20 tháng 02 năm 2017; Chấp nhận đăng ngày 22 tháng 3 năm 2017

Tóm tắt: Giáo dục đại học Việt Nam (GDĐH) đang từng bước đổi mới theo xu hướng hội nhập quốc tế. Trong quá trình đổi mới, nhiều vấn đề của GDĐH đã được nhận diện, trong số đó, hai vấn đề của quản trị đại học là: tự chủ đại học và đầu tư tài chính cho đại học đang là những nội dung được thảo luận nhiều tại các cuộc hội thảo về đổi mới GDĐH trong thời gian gần đây. Bài viết này phân tích hai vấn đề của quản trị đại học ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.

Từ khóa: Tự chủ, trách nhiệm giải trình, quản trị đại học, tự chủ đại học, tài chính đại học.

1. Tự chủ đại học

1.1. Khái niệm tự chủ đại học

Tự chủ đại học (Autonomy) được định nghĩa là “mức độ tự do của các cơ sở giáo dục trong việc điều hành công việc của mình mà không có sự chỉ dẫn hoặc ảnh hưởng của một cấp nào đó từ phía chính phủ” [1]. Tự chủ đại học luôn đi liền với “trách nhiệm xã hội” (Accountability) của đại học (ĐH). Đó là nghĩa vụ (trách nhiệm) của các cơ sở GDĐH trước người học, xã hội và chính phủ (gọi chung là “nhóm hưởng lợi ích có liên quan” - Stakeholders) về mọi hoạt động của mình. Ở nước ta, khái niệm “tự chủ đại học” và “trách nhiệm xã hội” (có tài liệu dịch là “trách nhiệm giải trình”) của GDĐH thế giới được đưa vào lần đầu tiên trong Luật Giáo dục năm 1998 (lúc đó từ *Accountability* được dịch không thỏa đáng

là “tự chịu trách nhiệm”, sau này đã được điều chỉnh thành “trách nhiệm xã hội” trong Điều lệ trường ĐH 2003 và 2014. Nhưng đến Luật Giáo dục 2005 và Luật GDĐH 2012, cụm từ này lại được thay bằng cụm từ “tự chịu trách nhiệm” [2].

Với kinh nghiệm hàng trăm năm về “tự chủ đại học”, ở Mỹ và một số quốc gia phát triển quan niệm rằng: *tự chủ đại học gắn với tự do học thuật (Academic Freedom)*. Nhưng ở một số quốc gia khác, như Anh, Úc, Đức... “tự chủ” và “tự do học thuật” có sự phân biệt. Theo đó, khái niệm “tự do học thuật” sử dụng trong hoạt động giảng dạy, nghiên cứu và công bố, còn khái niệm “tự chủ” dùng trong quản trị đại học (hành chính và tài chính) [1].

Mặc dù cho rằng “tự chủ đại học” gắn với “tự do học thuật”, nhưng Mỹ lại phân biệt mức độ tự chủ và tự do học thuật đối với từng loại hình trường ĐH, chứ không tự chủ một cách “đại trà” và “tràn lan”. Hệ thống GDĐH của Mỹ vốn có mức độ tự chủ rất cao, nhưng để

* ĐT.: 84-913249386

Email: ngocthach74@gmail.com

thực hiện chính sách quản lý đối với các cơ sở GDĐH, Mỹ đã phân ra làm hai loại: 1) đối với các trường ĐH định hướng nghiên cứu (Research-Oriented), nhà nước chỉ là người trông nom và giám sát (State Supervising); 2) đối với các trường “cao đẳng cộng đồng” (Community College), nhà nước là người “điều khiển và kiểm soát” (State Control) [1].

Từ sau khi Luật GDĐH 2012 có hiệu lực, “quyền tự chủ” của cơ sở GDĐH Việt Nam mới có hành lang pháp lý cao nhất. Theo Luật này, các cơ sở GDĐH được quyền tự chủ trong các lĩnh vực: *tổ chức và nhân sự, tài chính và tài sản, đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, đảm bảo chất lượng*. Mức độ trao quyền tự chủ cho cơ sở GDĐH căn cứ vào năng lực, kết quả xếp hạng và kết quả kiểm định chất lượng của các cơ sở GDĐH (Điều 32). Như vậy, giống với Mỹ, việc trao quyền tự chủ cho các cơ sở GDĐH ở Việt Nam không thực hiện một cách “tràn lan” và “đại trà”, nhưng khác với Mỹ ở chỗ, không căn cứ theo loại hình trường: “định hướng nghiên cứu” hay “định hướng ứng dụng”.

1.2. Những bất cập về tự chủ đại học

Hiện nay, trong tổ chức và quản lý GDĐH (gọi chung là “quản trị đại học”) ở nước ta có hai “rào cản” khiến cho tự chủ đại học khó đạt hiệu quả: 1) *Hội đồng trường (đối với trường công)* mang tính hình thức và 2) *cơ chế bộ chủ quản làm triệt tiêu tính năng động, sáng tạo và hạn chế quyền tự chủ của cơ sở giáo dục*.

a) Hội đồng trường mang tính hình thức

Theo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo¹ gửi Quốc hội (2011): sau gần 10 năm thực hiện Điều lệ trường ĐH 2003 về thành lập Hội đồng trường (HĐT) trong các trường ĐH và cao đẳng công lập, mới chỉ có 10/188 trường thành lập HĐT. Mặc dù Bộ Giáo dục và Đào tạo “đã chỉ đạo, nhắc nhở nhiều” nhưng các trường vẫn không thành lập, vì cho rằng “không cần thiết”, “không hiệu quả”. Báo cáo của Bộ Giáo dục và

Đào tạo đã chỉ ra lý do chủ yếu khiến các trường không thành lập HĐT là: 1) Có sự trùng lặp, chưa phân định rõ ràng phạm vi, trách nhiệm, thẩm quyền và mối quan hệ giữa cấp ủy đảng - Ban Giám hiệu - HĐT; 2) Hoạt động của HĐT có nhiều lúng túng về nội dung, phương pháp và còn nặng về hình thức; 3) Các thành viên HĐT không có quyền lợi, trách nhiệm và quyền hạn cụ thể; 4) Các thành viên là người ngoài trường ít tham gia các hoạt động của HĐT và các cuộc họp HĐT.

Đến nay sau gần 15 năm thực hiện Điều lệ trường ĐH và gần 5 năm thực hiện Luật GDĐH, tình hình nêu trên vẫn không mấy sáng sủa. Vì vậy một số chuyên gia giáo dục nhận xét rằng: “*hiện nay, một số ĐH công lập ở Việt Nam đã có HĐT, nhưng số lượng ít và những HĐT đang tồn tại chủ yếu chỉ có chức năng tham vấn*”².

Tính “hình thức”, “tính tham vấn” của HĐT thể hiện ngay trong việc cơ cấu nhân sự lãnh đạo của HĐT. Ở các ĐH, Giám đốc ĐH có thể được kiêm Chủ tịch Hội đồng ĐH (thậm chí phần lớn các Giám đốc ĐH kiêm cả Bí thư Đảng ủy). Ở các trường ĐH, hầu hết Hiệu trưởng kiêm Chủ tịch ĐHT và cũng kiêm luôn cả Bí thư Đảng ủy (điều đáng lưu ý là trong các văn bản pháp luật hiện hành, việc quy định về nhân sự Chủ tịch HĐT thiếu rõ ràng: *không có quy định về Chủ tịch Hội đồng ĐH, chỉ quy định về tiêu chuẩn Chủ tịch HĐT và thẩm quyền bổ nhiệm Chủ tịch HĐT*³). Trên thực tế, ở nước ta vai trò của Hiệu trưởng các trường ĐH công lập từ lâu đã mặc nhiên được thừa nhận là người quản lý cao nhất và quan trọng nhất trong hệ thống chức danh quản lý nhà trường và từ đó trong các trường ĐH công cũng tồn tại một “thiết chế ngầm định” đó là “*chế độ thủ trưởng*”. Nếu như Hiệu trưởng kiêm Bí thư Đảng ủy và Chủ tịch HĐT thì vai trò quyết định của Hiệu trưởng *gần như tuyệt đối*. Do đó, Hiệu trưởng được “*sắm*” nhiều vai cùng một lúc: “*người lãnh đạo*”, “*người quản lý*”, “*người sở*

¹ Báo cáo giải, trình tiếp thu ý kiến thẩm định (bổ sung) của Bộ Tư pháp về Dự thảo Luật GDĐH (số 903/BC-BGDĐT ngày 25/8/2011).

² Nhóm đối thoại giáo dục Việt Nam – VED (Theo Vietnam.net.vn, tháng 6/2016).

³ Điều 16, Điều 18 Luật GD ĐH 2012.

hữu” và “người sử dụng”. Thực tế này đã cho thấy một “lỗ hổng” lớn trong công tác quản lý ở các trường ĐH công lập ở nước ta hiện nay [3].

Một khía cạnh khác, vai trò của HĐT là đại diện chủ sở hữu của các trường công. Do đó nếu trường nào không có HĐT và có HĐT nhưng hoạt động “mang tính hình thức”, chỉ là hội đồng “tham vấn”, thì các trường ĐH công lập hiện nay ở trong tình trạng “vô chủ”. Vấn đề này, tại Khoản 1, Điều 16, Luật GDĐH 2012 quy định: *HĐT là tổ chức “đại diện quyền sở hữu” của nhà trường*. Bởi vậy mà gần đây, *Nhóm đối thoại giáo dục Việt Nam (Vietnam Education Dialogue, sau đây viết tắt là VED)* do GS. Ngô Bảo Châu chủ trì, đã nhận định rằng: *“ở một nghĩa nào đó, hơn 330 trường ĐH và cao đẳng công lập ở Việt nam chưa có “chủ” thực sự”* [3].

Từ những bất cập được phân tích trên đây cho thấy, tình trạng “mất đoàn kết”, “mất dân chủ” và “kém tự chủ” diễn ra trong các trường ĐH công ở nước ta thời gian vừa qua đã có thể lý giải được.

b) Quyền tự chủ bị hạn chế bởi “cơ chế bộ chủ quản”

Tư tưởng về “bộ chủ quản” thể hiện tính phân cấp, phân quyền trong quản lý các cơ sở GDĐH, nhưng khá nhiều hệ lụy do nó tạo ra, đó là: tính cát cứ trong hoạt động; tính phụ thuộc, kém năng động, sáng tạo; tầng tầng nấc trong quản lý... dẫn đến mất dần quyền tự chủ của các trường ĐH. Trong bối cảnh hiện nay, các cơ sở GDĐH, mặc dù là sở hữu nhà nước hay tư nhân nhưng, thì đều phải tổ chức và hoạt động theo pháp luật (Luật Giáo dục, Luật GDĐH, Luật Giáo dục nghề nghiệp... và rất nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác). Mặt khác, Nhà nước không thể tiếp tục “bao cấp” cho GDĐH ở mức cao như hiện nay, thì các cơ sở GDĐH phải được quyền tự chủ cao để xây dựng cơ chế, chính sách thu hút đầu tư các nguồn lực từ bên ngoài (out-sources) nhằm tăng cường mở rộng và phát triển các hoạt động dịch vụ, nâng cao chất lượng giáo dục và nghiên cứu. Do đó, cơ chế bộ chủ quản sẽ tiếp tục duy trì tư tưởng “bao cấp”, cơ chế “xin - cho”, làm triệt tiêu

năng lực sáng tạo, tính năng động và hạn chế quyền tự chủ của trường ĐH.

Nhiều nước trên thế giới đã bỏ mô hình quản lý này từ lâu. Hiện nay chỉ còn Nga, Cu Ba, Mông Cổ và Iran áp dụng mô hình bộ chủ quản đối với các trường ĐH⁴. Tuy vậy ở nước ta, theo báo cáo mới đây của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hiện có 15 bộ, ngành và 6 tỉnh, thành chủ quản ĐH công lập. Riêng Bộ Giáo dục và Đào tạo, nơi đề xuất “*bỏ bộ chủ quản, trao tối đa quyền tự chủ cho các trường đại học*” (trong Nghị Quyết 14/2005/NQ-CP), thì số lượng trường ĐH trực thuộc Bộ vẫn không ngừng tăng: *nếu năm 2006 là 35 trường thì sau 10 năm, đến 2016, tăng lên 53/141 trường*⁵.

Từ phân tích trên, có thể thấy việc đổi mới cơ chế quản trị ĐH, tiếp tục thực hiện Nghị quyết 14/2005/NQ-CP của Chính phủ về “xóa bỏ cơ chế bộ chủ quản” đối với các cơ sở GDĐH là cần thiết và cấp bách. Được biết, mới đây Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã đề cập vấn đề này và đang tích cực chuẩn bị lộ trình tiến tới đổi mới cơ chế quản lý theo hướng xóa bỏ “cơ chế bộ chủ quản” đối các trường ĐH. Đây là một động thái tích cực trong quá trình thúc đẩy thực hiện chính sách đổi mới GDĐH ở nước ta hiện nay.

2. Đầu tư tài chính cho Giáo dục đại học

Hiện nay, vấn đề đầu tư tài chính cho GDĐH còn nhiều quan điểm khác nhau. Nhưng một thực tế không thể phủ nhận là vấn đề đầu tư tài chính cho GDĐH ở nước ta còn nhiều bất cập. Sự bất bình đẳng trong chính sách tài chính và phương thức đầu tư tài chính cho khu vực công của GDĐH đã và đang phát sinh hệ lụy có tính tiêu cực.

Theo báo cáo của Quốc hội năm 2013, trong 20% NSNN chi cho giáo dục thì GDĐH (trong đó bao gồm cả dạy nghề) đã chiếm khoảng hơn 7%, phần còn lại phải chi cho tất cả các bậc học từ mầm non đến THPT, đặc biệt phải ưu tiên cho các cấp học trong diện phổ cập bắt buộc do Hiến

⁴ Giaoduc.net.com.vn, ngày 29/11/2016.

⁵ Tài liệu đã dẫn.

pháp quy định: tiểu học và trung học cơ sở. Như vậy, mức đầu tư cho GDĐH từ NSNN là tương đối cao.

Trên thế giới, việc cắt giảm NSNN cho GDĐH đang là một xu hướng chung, bởi lẽ, GDĐH được xếp vào loại hình dịch vụ công, có khả năng thu hút nguồn lực từ “xã hội hóa” cao hơn. Theo một số tài liệu mới công bố, các trường ĐH công ở Mỹ chỉ được NSNN cấp không quá 30%, phần còn lại các trường phải tự tìm kiếm ở các nguồn khác (trong đó có cả học phí của người học). Nhưng ở các nước Châu Âu mức đầu tư cho ĐH công dường như lại cao hơn Mỹ. Có thể tham khảo số liệu về chi phí cho GDĐH ở một số quốc gia trong Bảng 1 dưới đây:

Bảng 1. So sánh chi phí cho GDĐH so với GDP của một số quốc gia

Nước	% GDP	Trong đó % từ NSNN
Các nước thuộc OECD	1,6 – 1,7	78, 2
Canada	2,4	56,6
Pháp	1,4	83,7
Trung Quốc	0,8	55,6
Indonesia	0,7	42,9
Việt Nam	0,8	50,0

Nguồn: Phạm Phụ (2016) [4]

Qua các số liệu trong Bảng 1, có thể nhận thấy chi phí cho GDĐH của Việt Nam tương đồng với Canada, Trung Quốc và Indonesia, những quốc gia có nền GDĐH tương đối phát triển.

Về kinh nghiệm “giải bài toán” đầu tư tài chính cho GDĐH ở một số quốc gia trên thế giới, nghiên cứu của Phạm Phụ đã rút ra một số nhận xét quan trọng [5]:

Thứ nhất, nói cho cùng thì với nhà nước, với một trường ĐH và cả với từng sinh viên (SV), cơ bản vẫn là cơ cấu “chia sẻ chi phí” (*Cost-sharing*): chi phí đơn vị sẽ được chia sẻ, tính theo (%), như thế nào giữa: 1) ngân sách nhà nước (NSNN); 2) học phí từ người học và 3) đóng góp của cộng đồng.

Thứ hai, hiện nay đang thực hiện chính sách thu học phí đều, gần giống nhau cho các đối tượng xã hội khác nhau trong bối cảnh cung ở ĐH chỉ xấp xỉ 25% của cầu, một tỉ lệ lớn SV thuộc nhóm gia đình trung và thượng lưu, chưa thật sự thu “lũy tiến” trong thuế trực thu... Theo lập luận của trường phái kinh tế học “Tân tự do”, đây là tạo thêm mất công bằng xã hội.

Thứ ba, thu học phí, ví dụ cùng là 2 triệu đồng/SV cho ngành đào tạo tốn 10 triệu đồng/SV và ngành đào tạo tốn 4 triệu đồng/SV cũng là mất công bằng xã hội.

Thứ tư, tỉ lệ học phí trong cơ cấu chi phí cũng phải tính đến mức độ phục vụ xã hội của loại ngành nghề đào tạo, ví dụ với ngành dự báo động đất phải khác với ngành quản trị kinh doanh... Rõ ràng, chính sách chia sẻ chi phí và học phí ở nước ta còn rất bất hợp lý.

Bảng 2 dưới đây cung cấp thông tin về cơ cấu chia sẻ chi phí cho GDĐH của một số nước trên thế giới.

Bảng 2. Cơ cấu chia sẻ chi phí cho GDĐH của một số nước trên thế giới

Nước	1. Từ NSNN (%)	2. Từ học phí (%)	3. Từ cộng đồng: phần ĐH (%)
Mỹ (1995):			
+ ĐH công lập	51,0	18,4	30,7 (23,1)
+ ĐH tư thực	17,1	42,4	40,4 (22,2)
Hàn Quốc (1996):	(?)	54,0	(?)
+ ĐH công lập	(?)	70,0	(?)
+ ĐH tư thực			
Việt Nam (2002):	54,1	40,4	5,4 (0,9)
+ ĐH công lập	0,0	96,7	3,3
+ ĐH tư thực			
Trung Quốc (1996)	63,5	19,1	17,5 (17,0)
+ ĐH công lập			
LB Nga (2004)	47,0	45,0	8,0
+ ĐH công lập			

Nguồn: Phạm Phụ (2016) [5]

Qua Bảng 2 có thể nhận thấy, tỉ lệ học phí trong cơ cấu chia sẻ chi phí ở Việt Nam đã tương đối cao so với một số nước trên thế giới, đã đến 40,4% ở ĐH công lập và 96,7% ở ĐH tư thục.

Dựa trên sự phân tích cơ cấu đầu tư cho GDĐH, Phạm Phụ nêu ra ba vấn đề cần tham khảo kinh nghiệm thế giới:

Thứ nhất, phân phối NSNN cho GDĐH. Hiện nay, Nhà nước đang dành cho GDĐH khoảng trên 4% NSNN (ước tính). Nhưng một số nước theo mô hình Nhật Bản (J-model-Cumming 1997) như Hàn Quốc chẳng hạn, con số tương ứng chỉ có 2,3% NSNN. Nhật Bản cho rằng “tỉ lệ huy động GDP vào ngân sách của các nước châu Á rất thấp (Việt Nam khoảng 22%), khác với Mỹ và đặc biệt là khác với châu Âu - nhà nước phúc lợi (đến trên 40%). Vì vậy, nhà nước chỉ đủ sức cung cấp kinh phí cho giáo dục tiểu học phổ cập và một số lĩnh vực ưu tiên về KH&CN ở bậc ĐH, chi phí cho giáo dục trung học và GDĐH nói chung chủ yếu phải là trách nhiệm của người học và cộng đồng. Mô hình này đã lan tỏa sang Đài Loan, Hàn Quốc từ những năm 1980 và sau đó sang Thái Lan, Malaysia, Singapore và Indonesia từ những năm 1990.

Thứ hai, học bổng và cho SV vay. Với các nước còn kém phát triển như nước ta, việc xây dựng một hệ thống kiểm soát và thẩm tra tài sản để cấp học bổng và thu hồi vốn cho SV vay luôn là một vấn đề hết sức khó khăn. Tuy nhiên, khó không có nghĩa là không làm. Trung Quốc, có điều kiện tương tự như ta, cũng đã bắt đầu xây dựng hai chính sách này từ năm 2003. Hai chính sách này là hai chính sách đi kèm với chính sách “chia sẻ chi phí” để đảm bảo công bằng xã hội và nâng cao trách nhiệm cho chính SV. Chính sách cho SV vay hiện nay trên thế giới rất đa dạng. Ví dụ, có thể tham khảo kiểu cho vay gọi là “Income Contingent Repayment”. SV đã đi học chính thức thì được quyền vay với mức lãi suất thực bằng 0 để trả học phí, sau khi tốt nghiệp, xin được việc làm và có mức lương cao trên một ngưỡng nào đó thì mới bắt đầu trả và trả gần như kiểu đóng thuế thu nhập cá nhân. Nếu đến tuổi hưu chưa

trả hết thì được xóa nợ. Nhà nước trích một phần NSNN dành cho GDĐH để chi cho việc “bao cấp” lãi suất và những bất trắc, nếu có.

Thứ ba, tài trợ của cộng đồng. Nhiều nước trên thế giới có truyền thống đóng góp của cộng đồng cho chi phí ở ĐH. Nguồn này bao gồm tài trợ của doanh nghiệp, của cựu SV, của chính trường ĐH (do thu được qua các hoạt động kinh doanh, qua các công ty của nhà trường) và nguồn lợi phát sinh từ những *khoản vốn riêng của nhà trường* (Endowment). Ở Mỹ, nhiều trường có khoản Endowment lớn tới hàng tỉ USD. Gần đây các ĐH công lập ở Singapore, Malaysia... cũng có chính sách xây dựng khoản vốn riêng của trường. Ở Singapore, khi một ĐH huy động được 1 USD tài trợ, Nhà nước sẽ tài trợ cho 2 USD để lập khoản vốn riêng. Ở Trung Quốc, từ năm 1997 cũng đã có đến 17% đóng góp của chính nhà trường, có trường đến 50% (con số này ở Việt Nam là khoảng 1%). Những khoản tài trợ cho ĐH của doanh nghiệp và cựu SV thường được xem là khoản chi phí trước thuế, nghĩa là hỗ trợ 10 đồng thì thực chi chỉ có 7 đồng, nếu mức thuế của họ là 30%. Thiết nghĩ, đây cũng là một con đường để “xã hội hóa” GDĐH ở Việt Nam⁶.

Còn theo VED, hiện có “ba vấn đề lớn về tài chính mà hệ thống GDĐH Việt Nam đang đối mặt, là: thiếu kinh phí; bất bình đẳng và thiếu tự chủ tài chính” và *ba thách thức lớn về tài chính trong GDĐH Việt Nam hiện nay là: các trường ĐH thiếu kinh phí một cách trầm trọng; mức học phí cho các trường công rất thấp; và các nguồn thu khác như nguồn thu từ dịch vụ, nguồn thu từ dịch vụ khoa học, công nghệ, từ viện trợ, tài trợ, hiến tặng cũng quá thấp* [6].

Từ đó, VED cho rằng, cải cách tài chính cho hệ thống các trường ĐH Việt Nam cần tập trung vào ba lĩnh vực ưu tiên sau: *i) Tăng đầu tư toàn xã hội vào hệ thống đại học, bao gồm cả tài trợ từ ngân sách lẫn đóng góp của xã hội; ii) Tự chủ tài chính cho các trường ĐH; iii) Thay đổi cách phân bổ ngân sách cho từng trường và chia thành ba kênh: hỗ trợ trực tiếp*

⁶ Phạm Phụ (tài liệu đã dẫn)

cho từng trường; hỗ trợ thông qua học bổng và tín dụng SV và hỗ trợ thông qua tài trợ nghiên cứu khoa học.

Về vai trò của Nhà nước trong hỗ trợ tài chính cho GDĐH, VED khẳng định: “*tăng tự chủ không có nghĩa là nhà nước giảm hỗ trợ cho GDĐH, mà tăng tự chủ là một phương thức giúp nhà nước phân bổ ngân sách hỗ trợ cho ĐH một cách hiệu quả hơn thay vì cào bằng, hay theo những chỉ tiêu khác mà có thể gây tranh cãi*”. VED đã đề xuất mô hình dài hạn như sau: “*các trường được toàn quyền quyết định các vấn đề như số lượng tuyển sinh, mức học phí, chương trình và chất lượng đào tạo, chỉ tiêu từ lương đến các khoản chi và đầu tư khác ở mức thị trường, tiền hỗ trợ từ các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ. Bên cạnh đó, có cơ chế giám sát nội bộ và từ bên ngoài, có cơ chế cung cấp thông tin cho người dân lựa chọn trường, quy định từng trường phải trích một phần nhất định từ doanh thu làm học bổng*”. VED đưa ra lộ trình thực hiện chính sách này là: *trong thời gian đầu, Chính phủ có thể vẫn khống chế mức học phí trần (ví dụ mỗi năm học phí được tăng tối đa 25%), đồng thời cho phép mức trần này tăng dần theo từng năm...*[6]

Khi phân tích đầu tư tài chính cho ĐH công lập ở Việt Nam trong một số năm gần đây theo mô hình “chia sẻ chi phí” với tỷ lệ: 55%; 42%; 3% , Phạm Phụ cho rằng, ở Việt Nam chưa có truyền thống cho, tặng GDĐH như ở Mỹ, Nhật...mặc khác hoạt động dịch vụ trong ĐH chưa có hiệu quả (mới chỉ có 3%), nên nếu hy vọng tăng cao ở các nguồn này là thiếu thực tế. Do đó, việc đầu tư ngân sách cho ĐH công lập của Việt Nam nên giữ ở mức như hiện nay (55%)⁷.

Đã có khá nhiều khuyến nghị về chính sách đầu tư tài chính cho GDĐH ở nước ta được đưa ra trong nhiều nghiên cứu mới đây. Tuy nhiên, điều đáng quan tâm là việc đề xuất chính sách cần dựa trên thực tế về tính *công khai* và tính *minh bạch* của hiệu quả đầu tư cho GDĐH, về các định mức đầu tư không dựa trên *chất lượng*

và *hiệu quả kinh tế, xã hội* của GDĐH. Mặc dù Luật GDĐH có hiệu lực đã hơn 4 năm, nhưng đến nay công tác phân tầng và xếp hạng cơ sở GDĐH vẫn chưa được triển khai thực hiện. Trong khi đó, Luật này quy định: “*cơ sở GDĐH được xếp hạng nhằm đánh giá uy tín và chất lượng đào tạo; phục vụ công tác quản lý nhà nước và ưu tiên đầu tư ngân sách nhà nước.*” (Khoản 2 Điều 9). Như vậy, nếu chưa làm tốt công tác kiểm định chất lượng và xếp hạng cơ sở GDĐH thì việc đầu tư ngân sách theo kiểu “*bóc thuốc*” vẫn tiếp tục tồn tại. Đã có những ý kiến nhận xét khá chính xác trong nghị trường Quốc hội rằng, *bất cập chính trong đầu tư tài chính cho GDĐH công lập ở nước ta hiện nay là dàn trải, cào bằng, bất bình đẳng, còn tồn tại tư tưởng “bao cấp” và “cơ chế xin – cho” trong GDĐH.*

Với những phân tích trên, người viết cho rằng, với bất cứ trường hợp nào, nếu không khẳng định được vị trí, vai trò và “*thương hiệu*” thông qua kiểm định và xếp hạng một cách công khai, minh bạch bởi các tổ chức kiểm định và xếp hạng có uy tín thì việc ưu tiên đầu tư NSNN là không có cơ sở, thậm chí là “*trái luật*”. Thiết nghĩ, đó cũng là một trong những tiền đề quan trọng để hoạch định chính sách đầu tư cho phát triển GDĐH, đồng thời cũng là động lực để các cơ sở GDĐH thực hiện tốt hơn quyền “*tự chủ*” và “*trách nhiệm xã hội*” của mình./.

Tài liệu tham khảo

- [1] Phạm Phụ, Tự chủ và trách nhiệm trước xã hội của các nhà trường, Báo Giáo dục Việt Nam, 2016, <http://giaoduc.net.vn/Giao-duc-24h/Tu-chu-va-trach-nhiem-truoc-xa-hoi-cua-cac-nha-truong-post170454.gd>
- [2] Lâm Quang Thiệp, Tự chủ, tự do học thuật và trách nhiệm giải trình của ĐH ở Việt Nam, Báo Giáo dục Việt nam, 2016, <http://giaoduc.net.vn/Giao-duc-24h/Tu-chu-tu-do-hoc-thuat-va-trach-nhiem-giai-trinh-cua-dai-hoc-o-Viet-Nam-post166437.gd>
- [3] Trịnh Ngọc Thạch, Chính sách phát triển Giáo dục đại học – những thành công ở các nước phát triển và gợi ý bài học cho Việt Nam, Tạp chí

⁷ Phạm Phụ: tài liệu đã dẫn.

Khoa học ĐHQGHN, Chuyên san Khoa học Giáo dục, số 01, 2017.

- [4] Phạm Phú, Trên thế giới, có nhà nước nào bao cấp cho đại học không?, Báo Giáo dục Việt Nam, 2016, <http://giaoduc.net.vn/Giao-duc-24h/Tren-the-gioi-co-nha-nuoc-nao-bao-cap-cho-dai-hoc-khong-post169523.gd>.
- [5] Phạm Phú, Bày chính sách tài chính cho giáo dục đại học, Báo Tuổi trẻ, 2005,

<http://tuoitre.vn/tin/giao-duc/20050730/7-chinh-sach-tai-chinh-cho-giao-duc-dai-hoc/91288.html>.

- [6] Ngân Anh lược thuật, Nhóm Đối thoại giáo dục đưa ra khuyến nghị về đại học Việt Nam, 2015, Vietnam.net.vn. <http://vietnamnet.vn/vn/giao-duc/nhom-doi-toai-giao-duc-dua-ra-khuyen-nghi-ve-dai-hoc-viet-nam-243669.html>

Two Issues of University Governance in Vietnam in the Context of Integration

Trinh Ngoc Thach

VNU University of Social Sciences and Humanities, 336 Nguyen Trai, Thanh Xuan, Hanoi, Vietnam

Abstract: Vietnam higher education has been innovating in line with the international integration trend. This innovation process has revealed a number of higher education (HE) problems, among those, university autonomy and financial investments for university are two common controversial issues which have been discussed in many recent conferences on higher education innovation. This article analyzes the two above-named issues in university governance in Vietnam in the current context of international integration.

Key words: Autonomy, accountability, university governance, university autonomy, university finance.